

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 23/2020/DS-ST

Ngày: 03/9/2020.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Công Đạt;

2. Bà Võ Thị Huệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐST-DS, ngày 01 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H.

Địa chỉ: Thôn a, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T1, bà Chu Thị N.

Địa chỉ: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2020, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H trình bày:

Vào ngày 04/5/2019, do có mối quan hệ mua bán, quen biết với nhau nên vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H cho vợ chồng ông Trần Văn T1, bà Chu Thị N vay số tiền 226.266.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,6%/tháng, hạn đến ngày 04/6/2019 ông T1, bà N sẽ thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi cho vợ chồng ông T, bà H, việc vay tiền được lập hợp đồng và có biên bản giao nhận tiền. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ ông T1, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Đến ngày 27/8/2019, vợ chồng ông T, bà H có đơn gửi đến UBND xã C, huyện K; UBND xã C tiến hành làm việc giữa hai bên, tại buổi làm việc ông T1, bà N công nhận số nợ tiền mặt theo hợp đồng đã ký ngày 04/5/2019

là đúng và ông T1, bà N còn công nhận là vào ngày 29/5/2019, vợ chồng ông T1, bà N có nợ vợ chồng ông T, bà H 15 bao phân bón với giá là 7.575.000 đồng (đơn giá 505.000 đồng/1 bao). Sau khi thống nhất khoản nợ tại buổi làm việc ông T1, bà N cam kết sẽ trả 50% khoản tiền nợ vào mùa cà phê năm 2019 và 50 % khoản nợ trả vào mùa năm 2020. Tuy nhiên đến thời hạn theo cam kết mặc dù ông T, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông T1, bà N trả nợ nhưng ông T1, bà N vẫn không trả nợ. Vì vậy, ông Phạm Văn T và bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn T1, bà Chu Thị N phải trả khoản tiền nợ gốc là 226.266.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày vay 04/5/2019 đến ngày 30/12/2019 ngày theo cam kết mùa cà phê năm 2019 (lãi suất 1,6%/tháng như thỏa thuận trong hợp đồng và được công nhận tại biên bản làm việc ngày 27/8/2019 tại UBND xã C) là: $226.266.000 \text{ đồng} \times 1,6\% / \text{tháng} \times 7 \text{ tháng} = 25.266.000 \text{ đồng}$ và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/9/2020 (lấy tròn 8 tháng) và số tiền nợ 15 bao phân bón là 7.575.000 đồng (với đơn giá là 505.000đồng/1 bao).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Trần Văn T1 bà Chu Thị N vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS đối với phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71; bị đơn ông T1, bà N đã không thực hiện đúng quy định của Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T1, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H, buộc bị đơn ông Trần văn T1, bà Chu Thị N phải trả cho ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị H số tiền 226.266.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật và số tiền 7.575.000 đồng nợ tiền phân bón.

Về án phí: Buộc bị đơn ông T1, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn Thế, bà Chu Thị Nhung đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Thế, bà Nhung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 04/5/2019, ông Trần Văn T1, bà Chu Thị N có vay của ông T, bà H số tiền 226.266.000 đồng, lãi suất 1,6%/tháng; ngày 29/5/2019 ông T1, bà N mua của ông T, bà H 15 bao phân bón với giá trị là 7.575.000 đồng (đơn giá 505.000đồng/1 bao) là có thật, được thể hiện tại hợp đồng vay tiền không thế chấp đề ngày 04/5/2019, biên bản giao nhận tiền ngày 04/5/2019 và trong sổ ghi nợ phân bón ngày 29/5/2019, được ông T1, bà N viết và ký tên và được các bên thừa nhận theo biên bản làm việc ngày 17/8/2019 của UBND xã C và cam kết đến mùa cà phê năm 2019 ông Thế bà Nhung sẽ trả 50% số nợ. Đến thời hạn như cam kết ông Thế, bà Nhung vẫn không trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn ông T, bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T1, bà N phải trả nợ gốc, nợ lãi và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại các điều 463, điều 466, điều 468 của Bộ luật dân sự .

Nợ lãi được tính như sau: 226.266.000 đồng x 1,6%/ tháng x 7 tháng 26 ngày = 28.477.000 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/9/2020 là 226.266.000 đồng x 10%/ năm x 8 tháng = 15.084.000 đồng. Buộc ông T1, bà N phải trả cho ông T, bà H tổng số tiền 277.402.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 226.266.000 đồng, nợ lãi + lãi quá hạn 43.561.000 đồng; tiền nợ phân bón 7.575.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 463, điều 466, điều 468 của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H.

Buộc bị đơn ông Trần Văn T1, bà Chu Thị N phải trả cho ông Phạm Văn T, bà Trần Thị H tổng số tiền 277.402.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm linh hai nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc 226.266.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn), nợ lãi + lãi quá hạn 43.561.000 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm sáu mươi một nghìn đồng), tiền nợ phân bón 7.575.000 đồng (Bảy triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Áp dụng khoản 2 điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Chu Thị N phải chịu 13.870.000đ (Mười ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn T và bà Trần Thị H số tiền 6.766.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0006452 ngày 02/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Krông Buk;
- Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hs-vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Thị Hoa Lý